

Số: 22/2019/QĐST- DS

Bắc Từ Liêm, ngày 16 tháng 9 năm 2019.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 09 năm 2019 về việc các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2019/TLST- DS ngày 21/3/2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K; Địa chỉ: Số 1, phố AT, phường LH, quận HT, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Văn A; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H; Cán bộ xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 776 ngày 20/7/2019).

1.2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn A; Sinh năm 1977;

- Bà Vũ Thị D; Sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường Đ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 56927/HĐTD/TH-TN/TCB-KNM, Khế ước nhận nợ số 56927 ngày 11/12/2013 và Hợp đồng tín dụng số KNM 2015.146/HĐTD ngày 14/02/2015 được ký kết giữa hai bên, ông Nguyễn Văn A và bà Vũ Thị D còn nợ Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến ngày 06/09/2019 là: 1.562.884.869 (Một tỉ, năm trăm sáu mươi hai triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, tám trăm sáu mươi chín) đồng, trong đó: Nợ gốc là 906.849.333 đồng, lãi là 656.035.536 đồng (Gồm lãi trong hạn: 334.226.457 đồng, lãi quá hạn: 321.809.079 đồng).

Ông A, bà D phải tiếp tục chịu lãi phát sinh tính trên nợ gốc kể từ ngày 07/09/2019 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 56927/HĐTD/TH-TN/TCB-KNM, Khế ước nhận nợ số 56927 ngày 11/12/2013 và Hợp đồng tín dụng số KNM 2015.146/HĐTD ngày 14/02/2015 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2.2. Hai bên thỏa thuận lộ trình thanh toán như sau:

- Trước ngày 06/02/2020, ông A, bà D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền 906.849.333 đồng sẽ được hạch toán vào nợ gốc.

- Trước ngày 06/03/2020, ông A, bà D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K toàn bộ số nợ còn lại.

Nếu ông A, bà D thanh toán đủ số tiền 906.849.333 đồng trước ngày 06/02/2020 thì Ngân hàng TMCP K sẽ xem xét giảm nợ lãi cho ông bà.

Trường hợp ông A, bà D vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ theo lộ trình trả nợ nêu trên hoặc trả không đúng số tiền, không đúng thời hạn thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 2 (3), tờ bản đồ số 29, diện tích 81m² tại địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường Đ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 795013, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 0733, số QĐ: 1091/QĐ-UB do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 12/04/2006 cho ông Nguyễn Văn A) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 001645/2013/HĐTC-TCB quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/12/2013 của Văn phòng Công chứng Đ, thành phố Hà Nội.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông A, bà D. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì ông A, bà D vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP K.

2.3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn A và bà Vũ Thị D phải chịu 29.443.273 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí là 46.000.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AB/2015/0002672 ngày 21/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Bắc Từ Liêm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN